

Số: 35 /2021/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 10 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHOÁ VIII, KỲ HỌP LẦN THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tư pháp hướng dẫn nội dung một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 10761/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,



QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

1. Đối tượng nộp, miễn nộp phí

a) Đối tượng nộp phí

Tổ chức, cá nhân có yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

b) Đối tượng miễn nộp phí

- Hộ nghèo, người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên), người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các thôn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và khoản 2, 3, 4 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng do lỗi của cán bộ đăng ký.

- Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên của Chấp hành viên theo quy định của pháp luật thi hành án.

2. Cơ quan thu phí

a) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thu phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở Việt Nam.

b) Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thu phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp nước ngoài thực hiện dự án đầu tư.

3. Mức thu phí

Đơn vị: đồng

TT	Loại hồ sơ	Đơn vị tính	Mức thu phí	
			Hộ gia đình, cá nhân	Tổ chức
1	Đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai			
1.1	Quyền sử dụng đất hoặc quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	Hồ sơ/ thừa/Giấy chứng nhận	240.000	300.000
1.2	Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	Hồ sơ/ thừa/ Giấy chứng nhận	330.000	370.000
2	Xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai			
2.1	Quyền sử dụng đất hoặc quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	Hồ sơ/ thừa/ Giấy chứng nhận	130.000	160.000
2.2	Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	Hồ sơ/ thừa/ Giấy chứng nhận	170.000	200.000
3	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai			
3.1	Quyền sử dụng đất hoặc quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	Hồ sơ/ thừa/ Giấy chứng nhận	240.000	300.000
3.2	Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	Hồ sơ/ thừa/ Giấy chứng nhận	330.000	370.000
4	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm			
4.1	Quyền sử dụng đất hoặc quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	Hồ sơ/ thừa/ Giấy chứng nhận	130.000	160.000
4.2	Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	Hồ sơ/ thừa/ Giấy chứng nhận	170.000	200.000

4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

a) Phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thu bằng đồng Việt Nam.



b) Tổ chức thu phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được trích 90% (chín mươi phần trăm) số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

c) Tổ chức thu phí có trách nhiệm kê khai, nộp 10% (mười phần trăm) số tiền phí còn lại vào ngân sách nhà nước và quyết toán theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, Kỳ họp lần thứ 3 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, Tp. Huế;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, LT.

CHỦ TỊCH



Lê Trường Lưu